TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:169**/2019/HS-PT
Ngày 09-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Phạm Phú Đạt** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 122/2019/TLPT-HS ngày 27/8/2019 đối với các bị cáo Trần Đình D và Lê Văn N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Trần Đình D, sinh năm 1992 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Đường B, phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông (không rõ) và bà Trần Thị B (còn sống), chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 22/01/2019. Bị cáo hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn N, sinh năm 1994 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Đường L, phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C (đều còn sống); chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 02/7/2019. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ ngày 22/01/2019, tại bùng binh đường Hồ Hán Thương - Lê Đức Thọ *(phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng)*, lực lượng phòng chống ma túy và tội phạm Đồn Biên phòng Sơn Trà phát hiện bắt quả tang Trần Đình D đang thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho đối tượng Vũ Ngọc Hoàng A. Lực lượng Biên phòng đã thu giữ tại túi áo bên trái mà Trần Đình D đang mặc 05 *(năm)* gói thực vật khô, D khai nhận đây là ma túy dạng cần sa, D mua về bán lại cho con nghiện kiếm lời. Ngoài ra, lực lượng Biên phòng còn thu giữ của Vũ Ngọc Hoàng A 01*(một)* gói thực vật khô, A khai nhận đây là ma túy dạng cần sa A vừa mua của D nhằm mục đích sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân.

Thu giữ của A: 01*(một)* gói nilong ma túy, loại cần sa, có khối lượng: 3,949 gam;

Thu giữ của D: 05 *(năm)* túi nilong ký hiệu G2 là ma túy, loại cần sa, có khối lượng: 34,960 gam; Và 1 số vật dụng khác.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Đình D tại quán cắt tóc *(thuộc tổ 70, phường Đ, quận S)*, lực lượng Biên phòng thu giữ: 01*(một)* túi nilong chứa ma túy, loại cần sa, có khối lượng: 23,220 gam; 32 *(ba mươi hai)* hộp giấy cuốn có ký hiệu OCB; 01*(một)* cân tiểu ly có ký hiệu GHAUS.

Quá trình điều tra xác định: Do cần tiền tiêu xài và ma túy để sử dụng nên Trần Đình D nảy sinh ý định mua cần sa về bán lại cho con nghiện kiếm lời. D bắt đầu bán cần sa từ thời điểm tháng 01/2019. Nguồn gốc ma túy D lấy từ đối tượng tên Bùi Xuân T *(Trú tại tổ 2X, ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang)* có số điện thoại 0777.352.xxx để thỏa thuận giá cả, số lượng cần mua. Sau đó, D chuyển tiền cho T qua tài khoản ngân hàng 060187717xxxx và T sẽ gửi cần sa cho D qua xe khách tuyến TP Hồ Chí Minh - Đà Nẵng hoặc qua dịch vụ chuyển phát nhanh. Sau khi nhận được cần sa, D đem về cất giấu tại quán cắt tóc tại tổ 70, phường Đ, quận S và phân ra từng gói nhỏ bán cho con nghiện. Từ thời điểm tháng 01/2019 đến thời điểm bị bắt, D đã 09 *(chín)* lần mua ma túy cần sa từ T.

Vào ngày 21/01/2019, D đã chuyển số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* qua tài khoản Ngân hàng Sacombank cho T đặt mua 400 *(bốn trăm)* gam cần sa và thỏa thuận T sẽ gửi cần sa cho D qua đường chuyển phát nhanh. Đến 16h15’ ngày 23/01/2019, khi nhân viên giao nhận hàng đến quán cắt tóc của D để giao hàng thì bị lực lượng Biên phòng mời về làm việc. Qua kiểm tra, bên trong gói hàng có 04 *(bốn)* gói giấy ghi nhãn hiệu Nam dược Balzacs Roasters bên trong có chứa ma túy, loại

cần sa, có khối lượng: 400,23 gam. Trần Đình D thừa nhận gói hàng này là của D đã đặt mua của T *(người gửi tên là T1)*.

Lê Văn N bắt đầu tới chỗ D làm việc từ ngày 02/01/2019. Trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2019 đến 21/01/2019, N và D đã nhiều lần sử dụng chung cần sa với nhau. Việc D mua cần sa của ai, cách thức giao dịch và giá tiền như thế nào thì N không biết. Trong những lần cùng sử dụng ma túy cần sa và 05 *(năm)* lần đi bán ma túy cần sa với D, N biết D cất giấu cần sa tại tủ gỗ kích thước (1x1,2)m để phía sau, sát vách quán cắt tóc. Do N làm việc tại quán cắt tóc của D nên biết D cất giấu cần sa là để bán lại cho các con nghiện. N cũng thừa nhận đã cùng đi bán ma túy với D 05 *(năm)* lần như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 18/01/2019, N điều khiển xe mô tô chở D đến chân cầu Thuận Phước *(phía bên Sơn Trà)* bán cần sa cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)*.
- Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 18/01/2019, N điều khiển xe mô tô chở D đến chân cầu Thuận Phước *(phía bên Sơn Trà)* bán cần sa cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)*
- Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 19/01/2019, N điều khiển xe mô tô chở D đến chân cầu Thuận Phước *(phía bên Sơn Trà)* bán cần sa cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*
- Lần thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 20/01/2019, N điều khiển xe mô tô chở D đến chân cầu Thuận Phước *(phía bên Sơn Trà)* bán cần sa cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.
- Lần thứ năm: Khoảng 13 giờ ngày 21/01/2019, N điều khiển xe mô tô chở D đến chân cầu Thuận Phước *(phía bên Sơn Trà)* bán cần sa cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Những lần trên đều do D rủ N đi, D trực tiếp ra tủ đựng đồ lấy cần sa, N điều khiển xe mô tô BKS 43E1-xxxxx chở D còn D trực tiếp cầm và giao cần sa cũng như nhận tiền của người mua. Sau khi đi bán cần sa, D thường lấy tiền này để đi mua đồ ăn và bia, ngoài ra còn cho N 02 *(hai)* thẻ điện thoại (mỗi thẻ trị giá 20.000 đồng) để bồi dưỡng cho N.

Vào ngày 22/01/2019, việc D liên hệ bán cần sa cho Vũ Ngọc Hoàng A thì N không biết hoặc do bận việc nên D không bảo N đi cùng. Tuy nhiên, N nhận thức được D ra ngoài và đi bán cần sa cho con nghiện vì N thấy D lấy ma túy cần sa từ tủ gỗ sát phía sau vách quán cắt tóc để đi giao cho người mua. Đồng thời, khi khám xét quán cắt tóc (nơi D và N làm việc), lực lượng Biên phòng đã thu giữ tại tủ gỗ đặt phía sau quán cắt tóc 23,220 gam ma túy cần sa. Số ma túy cần sa này N biết đó là cần sa

của D mua về và cất giấu tại tủ gỗ, mục đích D cất giấu cần sa để sử dụng và bán lại kiếm lời.

Tại Bản án hình sư sơ thẩm số: 59/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Trần Đình D 08 *(tám)* năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 23/01/2019.

Xử phạt hình phạt bổ sung: 10.000.000 *(Mười triệu đồng)*;

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Lê Văn N 07 *(bảy)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/7/2019.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 30/7/2018, bị cáo Trần Đình D có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 02/8/2019, bị cáo Lê Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo D tự nguyện xin rút đơn kháng cáo.

Bị cáo N giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin HĐXX xem xét cho hoàn cảnh gia đình của bị cáo để xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo Trần Đình D tự nguyện xin rút đơn kháng cáo do đó đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Đình D.

Bị cáo Lê Văn N không rút đơn kháng cáo, nên đơn kháng cáo của bị cáo có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn N thì thấy rằng:

Mặc dù, bị cáo Lê Văn N bị VKS nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng truy tố về tội *"Không tố giác tội phạm"* theo 1 Điều 390 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Mua bán trái*

phép chất ma túy" theo tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 *(phạm tội từ 02 lần trở lên)* theo Điều 251 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), song sau khi xét xử sơ thẩm VKS nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng không có kháng nghị và bị cáo cũng không có kháng cáo kêu oan về việc Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh mà VKS truy tố. Do vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Xét Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) mà các bị cáo được hưởng và xử phạt bị cáo N 07 (bảy) năm tù là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết mới bổ sung để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Đình D tự nguyện xin rút đơn kháng cáo, HĐXX xét thấy việc rút đơn kháng cáo của bị cáo D tại phiên tòa là tự nguyện, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Đình D theo quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với bị cáo Lê Văn N do không rút đơn kháng cáo nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật đối với đơn kháng cáo của bị cáo N.

[1.3] Xét thấy, bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 08/5/2019 của VKS nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Trần Đình D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 BLHS và bị cáo Lê Văn N về tội "không tố giác tội phạm" theo khoản 1 Điều 390 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Ngày 27/6/2019 Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo Trần Đình D theo khoản khác với khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật, và xét xử bị cáo Lê Văn N về tội danh nặng hơn tội danh mà VKS truy tố. Tuy nhiên, tại quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 27/6/2019 Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 298 BLTTHS về *"Giới hạn của việc xét xử"* trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, phần quyết định của Bản án sơ thẩm không áp dụng khoản 2, 3 Điều 298 BLTTHS là có thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật, nội dung này cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật cho đúng.

[2]. *Về nội dung:* Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn N thừa nhận biết việc Trần Đình D mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khi có nhu cầu để kiếm lời, đồng thời biết D phân thành các gói nhỏ cất giấu tại tủ gỗ đặt sau quán cắt tóc để bán cho các con nghiện. Khi các con nghiện có nhu cầu mua ma túy D nhờ N chở đi bán ma túy. N đồng ý và sử dụng xe máy chở D đi bán ma túy 05 *(năm)* lần cho một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) tại chân cầu Thuận Phước, qua đó bị cáo hưởng lợi được D cho ăn uống, mua thẻ sim, card điện thoại sử dụng sau mỗi lần chở D đi bán ma túy. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b *(phạm tội 02 lần trở lên)* khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan, bị cáo xin HĐXX xem xét cho hoàn cảnh gia đình bị cáo, cũng như vai trò tham gia của bị cáo trong vụ án để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn N thì thấy: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác, nên đối với bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc và việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung là cần thiết. Xét thấy, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đồng thời đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, qua đó xử phạt bị cáo mức án 07(bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình mới để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, như đề nghị của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo D do rút kháng cáo nên không phải chịu án phí HSPT. Bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 BLTTHS.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Đình D.

2. Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Xử phạt: **Lê Văn N**: **07** ***(bảy)*** năm tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 02/7/2019.

4.Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Đình D không phải chịu án phí HSPT. Bị cáo Lê Văn N, phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

5.Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS - CA quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;
- CQCSĐT Công an quận Sơn Trà;
- Toà án nhân dân quận Sơn Trà;
- Vụ GĐKT I – TAND tối cao;
- Trại tạm giam CA Tp Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Vĩnh Chuyển